

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 11 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Lý Thị Thu Thúy.

Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L. *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Võ Văn S. *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Võ Văn S tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 1996 thì phát sinh Nêu mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không phù hợp. Chị L và anh S đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được nữa nên chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh S.

Về con chung: có hai con chung tên Võ Đông N, sinh ngày 24/4/1997, giới tính nam và Võ Đông N1, sinh ngày 11/01/2019, giới tính nam. Con chung hiện tại đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi cháu Võ Đông N1, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các lời khai ban đầu.

Trong bản tự khai ngày 03/11/2021 và biên bản hòa giải ngày 03/11/2021 bị đơn anh Võ Văn S trình bày:

Anh S thống nhất với phần trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Anh S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L. Anh S còn tình cảm với chị L, anh S muốn đoàn tụ với chị L để nuôi dưỡng con chung và sửa chữa sai lầm.

Về con chung: Anh S không đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Võ Văn S vẫn giữ nguyên các lời khai ban đầu, anh S không đồng ý ly hôn với chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Võ Văn S và yêu cầu được nuôi con chung. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn trong vụ án là anh Võ Văn S có địa chỉ cư trú tại ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị L và anh Võ Văn S tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp. Về yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, chị L và anh S thường xuyên xảy ra cãi vã nguyên nhân do tính cách vợ chồng không phù hợp làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị L đã ly thân với anh S từ đầu năm 2021 cho đến nay. Chị L đã không còn tình cảm với anh S, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị L.

[3] *Về con chung*: quá trình chung sống chị L và anh S có hai con chung tên Võ Đông N, sinh ngày 24/4/1997, giới tính nam và Võ Đông N1, sinh ngày 11/01/2019, giới tính nam. Đối với con chung tên Võ Đông N đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với con chung tên Võ Đông N1 hiện đang sống chung với chị L, xét thấy cháu N1 đã sống chung với chị L từ lúc mới được sinh ra cho đến nay và đã quen với sự chăm sóc giáo dục của chị L, nếu giao cháu N1 cho anh S nuôi dưỡng sẽ làm xáo trộn cuộc sống của cháu N1 và sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất cũng như tâm lý của cháu N1. Mặt khác, cháu N1 hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom...*”. Ngoài ra, chị L hiện có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cháu N1 sau khi cha, mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và điều kiện chăm sóc, giáo dục, cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu N1, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Võ Đông N1 cho chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung*: không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: không yêu cầu giải quyết

[6] *Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm*: chị Nguyễn Thị L phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Võ Văn S.

2. Chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Đông N1, sinh ngày 11/01/2019, giới tính nam. Anh Võ Văn S chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị L chưa yêu cầu.

Anh Võ Văn S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét trong cùng vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị L được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001029 ngày 12/10/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Chị L không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Trinh